

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày 06 - 5 - 2020

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM - TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và bà Chế Thị Mai.

Thư ký phiên Tòa: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 276/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân xã H.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lưu Thị Hoài H, chức vụ: Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân xã H. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1980. "Vắng mặt".

Địa chỉ: Thôn P, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Hoàng H2, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn P, phường L, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lưu Thị Hoài H trình bày:

Quỹ tín dụng nhân dân xã H (Sau đây gọi tắt là QTD xã H) có ký hợp đồng tín dụng số 382/HĐTD ngày 11/8/2017 cho bà Hoàng Thị H1 vay tín chấp số tiền gốc là 50.000.000 đồng, với thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày 11/8/2017 đến 11/8/2020, lãi suất trong hạn là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay là tiêu dùng, cách thức trả gốc hàng tháng với số tiền 1.388.000 đồng cùng với nợ lãi phát sinh. Người thừa kế đồng thời là người cùng đứng vay là

ông Nguyễn Hoàng H2 (Quan hệ là chồng bà H1). Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Hoàng Thị H1 đã trả được cho QTD xã H được 02 tháng, trả vào số tiền gốc 2.776.000 đồng và tiền lãi là 1.139.200 đồng. Kể từ tháng 11/8/2017 đến 01/11/2018 sau nhiều lần đôn đốc bà Hoàng Thị H1 đã trả thêm được 1.002.000 đồng tiền gốc và 5.592.800 đồng tiền lãi. Tổng cộng số tiền bà H1 đã trả cho QTD xã H là 3.778.000 đồng và 6.732.000 đồng tiền lãi. Từ tháng 11/2018 cho đến nay bà H1 không trả. QTD xã H đã nhiều lần liên lạc, yêu cầu bà H1 trả nợ nhưng không được.

Theo khoản 2.3, 2.4 mục 2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số 382/HĐTD ngày 11/8/2017, người thừa kế là ông Nguyễn Hoàng H2 (Quan hệ là chồng bà H1) cùng ký tên trong hợp đồng nên Quỹ tín dụng yêu cầu ông H2 cùng có nghĩa vụ trả gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng này.

QTD xã H yêu cầu bà Hoàng Thị H1 và ông Nguyễn Hoàng H2 có Nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc 46.222.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 06/5/2020 là 11.142.000 đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 57.364.000đ (Năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi tư ngàn đồng). Đồng thời yêu cầu bà H1 và ông H2 có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 07/5/2020 của việc chậm thi hành án cho đến khi thanh toán hết nợ nêu trên.

Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Hoàng Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng H2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố K đã thực hiện các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án, nhưng bà H1 và ông H2 không có ý kiến trả lời về việc khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H2 không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án về việc tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ba lần nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu đơn khởi kiện của nguyên đơn nêu ở trên; Án phí DSST quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ ba nhưng bị đơn bà Hoàng Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng H2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung vụ án:* Việc ký hợp đồng tín dụng số: 382/HĐTD giữa nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân xã H với bị đơn bà Hoàng Thị H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng H2 vào ngày 11/8/2017 để Quỹ tín dụng nhân dân xã H cho bà H1 vay số tiền 50.000.000 đồng, ông H2 là người ký thừa kế nghĩa vụ trả nợ, thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày 11/8/2017 đến 11/8/2020, lãi suất trong hạn là 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay là tiêu dùng, cách thức trả gốc hàng tháng với số tiền 1.388.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố K đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn bà Hoàng Thị H1 đã vắng mặt tại nơi cư trú thuộc trường hợp có tình dấu địa chỉ theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao; đối với anh Nguyễn Hoàng H2 đã biết việc khởi kiện của nguyên đơn nhưng chị H1 và anh H2 đều không ai có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn, từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, việc ký hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp. Anh H2 cùng ký với tư cách là người thừa kế trả nợ với mục đích vay tiêu dùng nên việc QTD H buộc anh H2 cùng có nghĩa vụ trả nợ với chị H1 là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 385, khoản 1 Điều 288 Bộ luật dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 và ông H2 không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký nên Quỹ Tín dụng xã H đã khởi kiện bà H1 và ông H2 để yêu cầu Tòa án buộc bà H1 và ông H2 phải liên đới trả số tiền gốc vay là 46.222.000đ, tiền lãi tính đến ngày 06/5/2020 là 11.142.000 đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là 57.364.000đ (Năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi tư ngàn đồng) và buộc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải tiếp tục chịu mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ từ ngày 07/5/2020 chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật theo quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 1 điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016, thì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn, người có quyền lợi liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính được là: $57.364.000đ \times 5\% = 2.868.200đ$ (Hai triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, hai trăm đồng); nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, khoản 1 Điều 288, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao; Điều 6, khoản 1 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã H đối với bà Hoàng Thị H1 và ông Nguyễn Hoàng H2 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

1.1 Buộc bà Hoàng Thị H1 và ông Nguyễn Hoàng H2 phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã H số tiền 57.364.000đ (*Năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi tư ngàn đồng*). Trong đó: tiền gốc là gốc 46.222.000đ, tiền lãi tính đến ngày 06/5/2020 là 11.142.000 đồng.

1.2 Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền chậm trả, nếu bên phải thi hành án koong trả đủ số tiền phải trả thì còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 382/HĐTD ngày 11/8/2017 kể từ ngày 06/5/2020 cho đến thi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016.

- Bà Hoàng Thị H1 và ông Nguyễn Hoàng H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.868.200đ (Hai triệu, tám trăm sáu mươi tám ngàn, hai trăm đồng).

- Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân xã H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.357.600 đ (*Một triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0002074 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06 tháng 5 năm 2020), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Kon Tum để xin xét xử phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TTAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP K;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Vũ Thị Hồng Dung